

Bản án số: 08/2023/DS-PT

Ngày 13 - 02 - 2023

“V/v thực hiện nghĩa vụ theo cam kết”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

- **M phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Anh Cường

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thuý Mai

Bà Nguyễn Thị Thu I

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Mai - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vinh Phúc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vinh Phúc:** Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vinh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 91/2022/TLPT-DS ngày 16/11/2022 về việc “Thực hiện nghĩa vụ cam kết”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện D, tỉnh Vinh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 102/2022/QĐ-PT ngày 14/12/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn A, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vinh Phúc (Có mặt).

- **Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Công T1, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn Vườn Tràng, xã Xuân Lôi, huyện Lập Thạch, tỉnh Vinh Phúc (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Thế G, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vinh Phúc (Có mặt).

3. Người có quyền A nghĩa vụ liên quan:

- Chị Vũ Thuý E, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vinh Phúc (Vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của chị E: Anh Lê Văn A, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vinh Phúc (Có mặt).

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vinh Phúc (Vắng mặt);

- Chị Lê Thu I, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của chị H và chị I: Anh Lê Thế G, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

4. Người làm chứng:

- Cụ Lê Ngọc K, sinh năm 1935; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Ê, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

- Anh Lê Đức M, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 46 Ấ, phường Â, Thành phố Ô, tỉnh Ô (Có mặt).

- Bà Lê Thị N, sinh năm 1968; Nơi ĐKKTT: Thôn Ô, xã U, Thành phố Ô, tỉnh Ô; Tạm trú: Số 18, phố P, phường Q, quận R, Thành phố Hà Nội (Có mặt).

- Bà Lê Thị Thường, sinh năm 1974; địa chỉ: Ngõ 211 đường S, thôn U, xã V, huyện X, Thành phố Hà Nội (Có mặt).

- Bà Lê Thị D1, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn Y, xã A1, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

- Bà Lê Thị Phụng, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ dân phố B1, thị trấn C1, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

- Ông Hà Văn E1, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Đỗ Xuân G1, nguyên cán bộ địa chính xã C (nay là Phó chủ tịch UBND xã C); địa chỉ: Xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Thế G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Văn A trình bày:

Anh và anh Lê Thế G là anh em ruột, nguồn gốc diện tích đất anh và anh G đang tranh chấp thực hiện nghĩa vụ chuyển quyền sử dụng đất có nguồn gốc cụ thể như sau: Do anh em nhà anh đông (Có 9 người, chết 1 người còn 8 người) nên không đủ đất ở. Năm 1999 anh G ra khu ven đường H1, thuộc thôn B, xã C để làm quán ở trên đất vỡ hoang, đến cuối năm 2003 do nhu cầu công ăn việc làm nên anh ra làm 01 gian quán để ở và làm nghề In xi giáp ranh với diện tích anh G đang ở. Diện tích đất anh làm quán để ở và làm nghề In xi là đất do khai hoang mà có và một phần đất do ông Lê Minh K1 là người cùng xã cho anh, không liên quan gì đến đất của anh G, do là đất khai hoang nên khi cho không có giấy tờ và diện tích cụ thể. Việc anh và anh G làm nhà ở, công trình trên đất

khai hoang là không được phép của chính quyền địa chính, sử dụng sai mục đích. Đến năm 2008 Nhà nước và chính quyền địa chính có chủ trương rà soát và xử lý đối với các hộ vi phạm về mục đích sử dụng đất. Cụ thể như hộ nhà anh và hộ nhà anh G cùng nhiều hộ khác đã làm nhà, công trình trên đất chưa được cấp phép, Nhà nước chủ trương hợp thức hóa đối với các hộ đã sử dụng sai mục đích bằng cách cho nộp tiền vào Ngân sách để làm thủ tục hợp thức quyền sử dụng đất đối với diện tích đất mà các hộ đang sử dụng. Diện tích nhà anh đang sử dụng là 120m² nên anh được hợp thức và phải nộp số tiền cho Nhà nước là 12.000.000 đồng còn anh G đang sử dụng diện tích đất 160m² và phải nộp tiền cho Nhà nước là 16.000.000 đồng. Do công việc anh phải đi làm xa nên không ở nhà chỉ mốc giới, làm thủ tục và nộp tiền để hợp thức diện tích đất đang sử dụng để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và do tin tưởng anh G là anh ruột mình, hơn nữa cùng thời điểm anh G cũng làm thủ tục đối với đất đang sử dụng, nên ngày 16/7/2008 anh đã đưa số tiền 12.000.000 đồng cho anh G để anh G thay mặt anh nộp tiền đất và làm các thủ tục đối với diện tích đất của gia đình anh đang sử dụng. Sau khi nộp tiền xong anh G và anh đã đo đạc, cắm mốc ranh giới đất, anh tiến hành xây tường bao đất và xây nhà để ở, nhà xây tường gạch xi, lợp bê tông, trần bằng tôn (Hiện nay anh đang quản lý, sử dụng). Sau khi anh đưa tiền cho anh G nộp hộ, để tránh việc anh em xảy ra mâu thuẫn về sau nên ngày 12/7/2008 tại gia đình bố anh gồm có ông K, anh và anh G có lập biên bản cam kết gia đình, có sự chứng kiến của ông Hà Văn E1 – Trưởng thôn B với nội dung, lập bản cam kết sau khi anh G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong thì có trách nhiệm tách quyền sử dụng đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Thế G cho anh phần diện tích đất 120m² mà anh đã đưa tiền cho anh G nộp hộ theo đúng vị trí anh đã làm nhà, sau khi lập xong bản cam kết cả ba bố con anh đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã C tại phòng địa chính xã có nhờ ông Đỗ Xuân G1 là cán bộ địa chính xã (Nay ông G1 là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C) viết hộ nội dung thỏa thuận của ông K, anh G và anh A sau khi viết xong thỏa thuận ba bố con đều ký vào bản thỏa thuận. Sau khi anh G được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không hiểu vì lý do gì mà phần diện tích đất của gia đình anh lại nằm chung trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh G. Anh đã nhiều lần yêu cầu anh G làm thủ tục để tách quyền sử dụng đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Thế G nhưng anh G không đồng ý. Sự việc xảy ra nên bố anh, các anh chị em trong gia đình đã họp bàn nhiều lần để yêu cầu anh G giao trả lại phần quyền sử dụng đất cho anh được hưởng theo diện tích anh đang sử dụng (Về mặt giấy tờ còn trên thực tế anh vẫn quản lý, sử dụng diện tích đất 120m² từ khi anh và anh G xác định ranh giới để xây nhà cho đến nay) trong các buổi họp gia đình, anh G đều trốn tránh không có mặt.

Nay anh xác định ranh giới đất của gia đình anh như biên bản đo đạc của Công ty cổ phần đo đạc và tư vấn, đầu tư Vĩnh Phúc, đo ngày 27/5/2022 là 181,6m². Trong đó có diện tích 53,1m² đất là Inh lang đường và 6,2 m² đất nương rãnh. Anh đề nghị anh G phải thực hiện nghĩa vụ trả lại quyền sử dụng đất cho anh theo hiện trạng diện tích đất anh đang sử dụng theo đo đạc thực tế ngày 27/5/2022, diện tích là 122,3m². Diện tích này nằm trong thửa đất, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Thế G, tại thửa số 432, lô 02, tờ bản đồ số 7 tại thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ông Nguyễn Công T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Về nội dung khởi kiện, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án ông đồng ý như anh A vừa trình bày, ông chỉ bổ sung là đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đây là kiện đòi tài sản (Về mặt pháp luật), về thực tế từ trước đến nay anh A vẫn là người quản lý, sử dụng đối với phần đất đang có tranh chấp và đã làm nhà ở từ trước đến nay. Vậy yêu cầu anh G phải thực hiện nghĩa vụ chuyển quyền sử dụng đất cho anh A đối với diện tích đất anh A đang quản lý.

Bị đơn anh Lê Thế G trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh trình bày: Anh và anh Lê Văn A là anh em ruột, đối với nguồn gốc diện tích đất anh và anh A đang tranh chấp. Do anh em nhà anh đông (Có 9 người, chết 1 người còn 8 người) nên không đủ đất ở. Do vậy vào năm 1999 sau khi anh lấy vợ, anh và vợ ra khu đồng Mặn, thuộc thôn B, xã C (Đây là đất vỡ hoang của các hộ dân khác ở thôn B để các hộ này trồng màu: sắn, củ từ, ngô, lạc), đất của bà Tân là anh đổi đất hoa màu của anh để lấy đất của bà Tân còn đất của anh Kim là anh Kim cho anh. Sau khi đổi được đất do nhu cầu công ăn việc làm và nhà ở vợ chồng anh đã làm 01 nhà tường đắp đất, cột tre, lợp ngói đỏ. Việc anh làm nhà ở, công trình trên đất khai hoang là không được phép của chính quyền địa chính, sử dụng sai mục đích. Năm 2003 anh làm đơn xin Nhà nước hợp thức cho gia đình anh diện tích đất này M đất ở nhưng đến năm 2008 Nhà nước mới có chủ trương xử lý đối với các hộ vi phạm về sử dụng đất sai mục đích. Cụ thể như hộ nhà anh làm nhà, công trình trên đất, Nhà nước chủ trương hợp thức hóa đối với các hộ sử dụng sai mục đích như hộ nhà anh bằng cách cho nộp tiền và Nhà nước công nhận, hợp thức quyền sử dụng đất. Diện tích được hợp thức của gia đình anh là 280m², số tiền gia đình anh phải nộp cho Nhà nước là 28.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này là tiền của vợ chồng anh, không phải tiền anh A đưa. Đối với Giấy nhận tiền đề ngày 16/7/2008 anh A đưa anh 12.000.000 đồng, anh khẳng định thực chất là anh vay tiền còn việc anh A ghi nội dung như thế nào anh không biết và không thừa nhận. Năm 2006 khi đó anh đã nộp đơn xin hợp thức đất nhưng chưa được giải quyết thì do anh A không có chỗ làm nghề In xi phải đi làm nhờ ở đất nhà chị gái anh là chị L nên anh A hỏi anh xin mượn một

phần đất của anh để làm quán tạm để anh A làm nghề In xi, cơ khí. Năm 2008 anh nộp tiền cho Nhà nước đến năm 2016 anh được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh “ông Lê Thế G”. Theo biên bản cam kết đề ngày 12/7/2008 anh, bố anh, anh A có ông Hà Văn E1 - Trưởng thôn B chứng kiến, làm biên bản cam kết với mục đích, sau này khi nào được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu anh A có nhu cầu mua đất của anh và nếu anh cũng có nhu cầu bán, bán phải theo giá thị trường thì anh sẽ bán cho anh A. Vì vậy đây không phải nghĩa vụ hay thỏa thuận anh phải cắt đất và chuyển quyền sử dụng đất cho anh A. Sau đó năm 2009 anh trả tiền 12.000.000 đồng cho anh A nhưng anh A không nhận. Đồng thời vợ anh không chấp nhận Biên bản cam kết gia đình và không đồng ý bán đất cho anh A. Đến khoảng năm 2011 – năm 2012 anh A hỏi anh để cho anh A xây cửa Ing, xây bằng gạch xi măng, lợp blô xi măng trên diện tích 120m², vợ anh không đồng ý, nhưng anh A là em trai anh nên anh đồng ý cho anh A mượn. Hiện nay anh A đang quản lý, sử dụng.

Nay anh xác định diện tích đất gia đình anh sử dụng làm nhà và cho anh A mượn để xây nhà tại thửa số 432, lô 02, tờ bản đồ số 7, diện tích 280 m² tại khu vực H1 thuộc thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Thế G, diện tích trong giấy chứng nhận là 280m² nhưng theo số liệu của công ty cổ phần đo đạc và tư vấn, đầu tư Vĩnh Phúc, đo ngày 27/5/2022 là 419,9m². Trong đó có 123m² Ing lang đường giao thông. Anh xác định đây là đất của anh vì đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh, nên anh không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn A buộc anh phải thực hiện nghĩa vụ chuyển quyền sử dụng đất theo diện tích 122,3m² theo số liệu đo đạc thực tế ngày 27/5/2022.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã yêu cầu anh G cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan về việc trong quá trình anh được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và biên lai thu thuế nhà ở Ing năm bản chính nhưng anh G không cung cấp.

Tại phiên tòa những người làm chứng trong vụ án gồm: Cụ Lê Ngọc K, bà Lê Thị L, anh Lê Đức M, bà Lê Thị N, bà Lê Thị Thường, bà Lê Thị D1, bà Lê Thị Phụng và anh Hà Văn E1 đều vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Cụ Lê Ngọc K trình bày: Hiện nay cụ đang sống cùng anh Lê Thế G. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh A về việc yêu cầu anh G thực hiện nghĩa vụ chuyển quyền sử dụng đất trả cho anh A 120m² đất tại thôn B, xã C, huyện D mà anh G và anh A đang cùng sử dụng nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên “Ông Lê Thế G”, tại thửa đất số 432, lô 02, tờ bản đồ số 7 với diện tích 280m². Việc mua bán, giao tiền, làm thủ tục giữa anh G và anh A cụ không biết,

chỉ khi cả anh G và anh A về nhà nói với cụ nội dung về việc anh em thỏa thuận cùng nhau mua 280m² đất ở thôn H1 mà Nhà nước có chủ trương bán cho người trong xã, trong đó anh G được 160m², anh A được 120m², anh G là người đứng ra nộp tiền và làm các thủ tục, anh A giao số tiền 12.000.000 đồng cho anh G để anh G đi nộp. Sau khi anh G được giao đất, anh A đã làm nhà ở và xưởng In xì, ở trên đất anh A đang sử dụng (Thời gian cụ thể cụ không nhớ). Hiện nay xưởng này vẫn nằm trên đất của anh G. Cách đây khoảng 4-5 năm anh A mới chuyển gia đình vào trong đất thổ cư của cụ để chăn nuôi và không ở trên đất tranh chấp nữa. Đối với các biên bản thỏa thuận có chữ ký của cụ được lưu tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Lê Thế G về việc thỏa thuận việc anh G có nghĩa vụ trả cho anh A 120m² đất ở thôn H1, xã C cụ không nhớ nội dung và cụ không biết việc thỏa thuận đó. Nay cụ đã già cụ không nhớ nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, cụ không có ý kiến gì về việc tranh chấp này.

Các bà Lê Thị L, bà Lê Thị N, bà Lê Thị Thường, bà Lê Thị D1, bà Lê Thị Phương đều vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Các bà là chị ruột của anh G và anh A, việc anh G và anh A mua theo chủ trương của Nhà nước bán cho hộ cá nhân có nhu cầu về đất ở nhưng đã sử dụng sai mục đích (Diện tích đất anh A và anh G ở trước khi mua là đất hoang). Khi anh G mua đất, có thỏa thuận với anh A là anh A đưa cho anh G số tiền 12.000.000 đồng để anh G nộp tiền mua đất hộ anh A vì thời điểm đó anh A đi làm, không có ở nhà. Diện tích anh A nhờ anh G nộp tiền hộ là 120m² và sau khi mua được đất, anh G có trách nhiệm cắt, chia trả cho anh A quyền sử dụng đất 120m² tại thôn B, xã C, huyện D về mặt thủ tục còn thực tế anh A đã đang sử dụng diện tích đất từ trước đó nên trước khi anh G mua được đất thì vào khoảng 2003 anh A đã làm quán để làm In xì ở phần diện tích đất đang sử dụng (Đất sử dụng sai mục đích). Đến năm 2006 do nhu cầu công việc và nơi ở, anh A xây nhà gạch xi lợp blô xi măng để làm nghề thợ In trên diện tích đất 120m². Đến năm 2008 thì phần diện tích này được Nhà nước làm thủ tục bán cho anh G. Anh A ở trên ngôi nhà này đến khoảng năm 2018 thì về ở trong nhà đất của bố, mẹ các bà để chuyển đổi công việc sang chăn nuôi nhưng hiện nay nhà của anh A trên phần đất anh G chưa chia trả quyền sử dụng đất theo thỏa thuận vẫn còn. Sau đó anh G không làm thủ tục tách bìa đồ để trả cho anh A quyền sử dụng đất diện tích 120m², gia đình đã họp với M phần: Bố là cụ K và các anh, chị, em để yêu cầu anh G trả quyền sử dụng đất cho anh A nhưng anh G không đồng ý và không tham gia họp, gia đình anh em đã khuyên bảo anh G nhiều lần nhưng anh G không nghe. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của anh A về việc yêu cầu anh G trả lại cho anh Quyền sử dụng đất diện tích 120m² đất tại thôn B, xã C, Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên “Ông Lê Thế G”, tại thửa đất

số 432, lô 02, tờ bản đồ số 7 với diện tích 280m², các bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh G phải thực hiện nghĩa vụ trả cho anh A quyền sử dụng đất diện tích đất trên.

Anh Lê Đức M trình bày: Anh là em ruột của anh G và anh A. Việc anh G và anh A mua đất của Nhà nước năm 2008 mua theo chủ trương của Nhà nước về xử lý, bán cho hộ cá nhân có nhu cầu về đất ở nhưng đã sử dụng đất sai mục đích từ trước, không phải là bán cho các hộ bị thu hồi đất hoặc theo xuất ruộng quy đổi, đền bù (Diện tích đất anh A và anh G ở trước khi mua là đất hoang) nên không liên quan gì đến anh. Khi anh G mua đất, có thỏa thuận với anh A là anh A đưa cho anh G số tiền 12.000.000 đồng để anh G nộp tiền mua đất hộ anh A vì thời điểm đó anh A đi làm, không có ở nhà. Diện tích anh A nhờ anh G nộp tiền hộ là 120m² và sau khi mua được đất, anh G có trách nhiệm cắt, chia trả cho anh A 120m² đất tại thôn B, xã C về mặt thủ tục còn thực tế anh A đã sử dụng từ trước đó nên vào khoảng 2003 anh A đã làm nhà tạm ở trên phần diện tích đất trên (Sử dụng đất sai mục đích). Đến năm 2006 do nhu cầu công việc và nơi ở, anh A xây nhà gạch xi lợp blô xi măng để làm nghề thợ In trên diện tích đất 120m². Đến năm 2008 thì phần diện tích này được Nhà nước làm thủ tục bán cho anh G. Anh A ở trên ngôi nhà này đến khoảng năm 2018 thì về ở trong nhà đất của bố, mẹ anh để chuyển đổi công việc sang chăn nuôi nhưng hiện nay nhà của anh A trên phần đất anh G chưa chia trả theo thỏa thuận vẫn còn. Sau đó không biết vì lý do gì nhưng anh G không làm thủ tục tách thửa để trả quyền sử dụng đất cho anh A diện tích đất 120m², gia đình đã họp với M phần: Bố anh là cụ K và các anh em nhà anh để yêu cầu anh G trả lại quyền sử dụng đất cho anh A nhưng anh G không đồng ý và không tham gia họp, gia đình anh đã khuyên bảo anh G nhiều lần nhưng anh G không nghe nên đã đề nghị Ủy ban nhân dân xã C giải quyết nhưng không được. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của anh A yêu cầu anh G trả cho anh quyền sử dụng đất diện tích 120m² đất tại thôn B mà anh G được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên “Ông Lê Thế G”, tại thửa đất số 432, lô 02, tờ bản đồ số 7 với diện tích 280m² (gồm cả phần đất tranh chấp), đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh G phải trả quyền sử dụng đất cho anh A diện tích đất trên.

Anh Hà Văn El nguyên Trưởng thôn B trình bày: Anh là trưởng thôn B thời điểm năm 2008. Tháng 6 và tháng 7 năm 2008 ông Lê Ngọc K là bố đẻ anh G và anh A có một số đơn đề nghị, Biên bản làm việc, Biên bản hòa giải, Biên bản họp gia đình, Bản cam kết, anh là người trực tiếp có mặt và xác nhận sự việc theo nội dung các biên bản giữa ông K, anh G và anh A về việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chia tách đất như nội dung các biên bản thể hiện. Đối với diện tích đất anh G và anh A đang tranh chấp là đất của anh G làm nhà và ở trên đất từ năm 1999 và năm 2003 anh A làm nhà và ở trên đất. Hiện nay cả anh A và anh G đều đang ở và quản lý sử dụng diện tích đất trên.

Ông Đỗ Xuân G1 nguyên cán bộ địa chính xã C trình bày: Theo bản cam kết đề ngày 12/7/2008 có chữ ký của ông K bố anh A và anh G, có sự chứng

kiến của ông Hà Văn E1 - Trưởng thôn B với nội dung, lập bản cam kết sau khi anh G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong thì anh G có trách nhiệm tách quyền sử dụng đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Thế G cho anh Lê Văn A phần diện tích đất 120m² mà anh A đã đưa tiền cho anh G nộp hộ theo đúng vị trí anh A đã làm nhà, sau đó ba bố con ông K đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã C tại phòng địa chính xã có nhờ ông, khi đó ông là cán bộ địa chính xã C, ông viết hộ nội dung thỏa thuận của ông K, anh G và anh A. Sau khi ông viết xong thỏa thuận ông K, anh G và anh A đều ký vào bản thỏa thuận. Sau khi anh G được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không hiểu vì lý do gì mà anh G không thực hiện nghĩa vụ thỏa thuận trên để chuyển quyền chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh A. Nay các bên khởi kiện ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Với nội dung trên, tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc quyết định:

Căn cứ vào các Điều 163, 166, 221, 274, 275, 276, 277, 278, 281 và Điều 284 Bộ luật dân sự 2015. Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/NQ - UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn A.

Buộc anh Lê Thế G phải thực hiện nghĩa vụ thỏa thuận trả lại Quyền sử dụng đất cho anh Lê Văn A diện tích 122,3m² trong thửa số 432, lô 02, tờ bản đồ số 7 tại thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Thế G được cấp ngày 16/6/2016. (theo đo đạc thực tế diện tích là 181,6m², trong đó có 53,1m² đất của Inh lang đường tỉnh lộ 307 và 6,2 m² đất Inh lang mương thoát nước). Cụ thể các điểm thể hiện diện tích đất của anh A như sau: A, B, C, 5, 6, D và A (Có sơ đồ đất kèm theo).

Trường hợp anh Lê Thế G không thực hiện nghĩa vụ chuyển Quyền sử dụng đất cho anh Lê Văn A đối với diện tích đất nêu trên thì anh A có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền thực hiện các thủ tục Inh chính theo quy định của pháp luật để được cấp Quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 122,3m² trong thửa số 432, lô 02, tờ bản đồ số 7 tại thôn B, xã C, huyện D.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05 tháng 10 năm 2022, bị đơn anh Lê Thế G có đơn kháng cáo, không nhất trí với bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự không thỏa thuận được với nhau. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm; Các đương sự đã chấp hành đúng nhiệm vụ của mình theo

quy định của bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án và đánh giá chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát nhận xét kháng cáo của bị đơn anh Lê Thế G là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của anh Lê Thế Thắng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên trong phần quyết định của bản án sơ thẩm toà án cấp sơ thẩm áp dụng điều luật và tuyên án chưa chính xác, bởi vì: Từ trước đến nay anh Lê Văn Lợi vẫn đang quản lý, sử dụng thửa đất có diện tích là 122,3m² trong thửa số 432, lô 02, tờ bản đồ số 7 tại thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc, nhưng Toà án cấp sơ thẩm lại tuyên: Căn cứ vào các Điều 163, 166 và Điều 284 Bộ luật dân sự 2015 để buộc anh Lê Thế G phải thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận trả lại Quyền sử dụng đất cho anh Lê Văn A diện tích 122,3m² trong thửa số 432, lô 02, tờ bản đồ số 7 tại thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc là không đúng về áp dụng Điều luật và cách tuyên.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm cần sửa lại áp dụng điều luật và sửa lại cách tuyên như sau:

Căn cứ: Điều 293; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ Luật Tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Thế G, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào các Điều 274, 275, 276, 277, 278, 281 Bộ luật dân sự 2015. Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/NQ - UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn A.

Xác định diện tích 122,3m² trong thửa số 432, lô 02, tờ bản đồ số 7 tại thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Thế G được cấp ngày 16/6/2016 (Theo đo đạc thực tế diện tích là 181,6m², trong đó có 53,1m² đất của Inh lang đường tỉnh lộ 307 và 6,2 m² đất Inh lang nương thoát nước). Cụ thể các điểm thể hiện diện tích đất A, B, C, 5, 6, D và A (Có sơ đồ đất kèm theo) là của anh Lê Văn A.

Buộc anh Lê Thế G phải thực hiện nghĩa vụ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Lê Văn A. Trường hợp anh Lê Thế G không thực hiện thì anh Lê Văn A có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền thực hiện các thủ tục Inh chính theo quy định của pháp luật để được cấp giấy chứng nhận quyền sử đất đối với diện tích đất 122,3m² trong thửa số 432, lô 02, tờ bản đồ số 7 tại thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

Về án phí dân sự phúc thẩm, án phí dân sự sơ thẩm, tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ

sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn kháng cáo trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định nên chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

Về sự vắng mặt của người có quyền A nghĩa vụ liên quan, người làm chứng Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc có người đại diện theo uỷ quyền nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ dân sự đã cam kết, bị đơn có địa chỉ tại Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về quan hệ pháp luật: Tòa án nhân dân huyện huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cam kết là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Xuất phát từ việc gia đình nhà anh G có đông anh em, khó khăn về chỗ ở, năm 1999 anh G ra khu ven đường H1, thuộc thôn B, xã C để làm nhà tường đất, lợp ngói để ở trên đất ruộng, đến cuối năm 2003 anh A cũng ra làm quán ở cạnh đó để làm In xi. Năm 2008 Nhà nước có chủ trương xử lý đối với các hộ vi phạm về sử dụng đất sai mục đích trong đó hộ anh G và anh A làm nhà, công trình trên đất và cho hợp thức hóa đối với các hộ sử dụng sai mục đích bằng cách cho nộp tiền vào Ngân sách để làm thủ tục hợp thức quyền sử dụng đất đối với diện tích đất mà các hộ đang sử dụng đất, diện tích anh A sử dụng là 120m² còn anh G sử dụng diện tích đất 160m². Ngày 16/6/2016 anh Lê Thế G được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 432, lô 2, tờ bản đồ số 07, diện tích 280m² tại khu vực H1, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C xác định: Về nguồn gốc diện tích đất anh G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu vực H1, thôn B, xã C trước đây là đất nông nghiệp. Từ năm 1997 các hộ gia đình trong đó có hộ anh Lê Văn A và anh Lê Thế G đã tự ý sử dụng sai mục đích, anh G, anh A tự ý xây nhà và các công trình trên đất nông nghiệp. Đến ngày 09/10/2008 Ủy ban nhân dân huyện D có Quyết định hợp thức quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình cá nhân đang ở từ năm 1997 tại khu vực H1 trong đó có hộ anh Lê Thế G, diện tích 280m², số tiền phải nộp là 28.000.000 đồng. Thửa đất anh G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh G và anh A đã làm nhà ở. Trong quá trình lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình ông K (Bố đẻ anh G, A) có hợp gia đình, lập biên bản cam kết thống nhất để anh G đứng tên làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi được cấp giấy anh

G phải có trách nhiệm làm thủ tục chuyển nhượng lại cho anh Lê Văn A 120m², anh G được 160m² theo đơn đề nghị, biên bản cam kết, giấy giao nhận tiền. Sau khi anh G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 280m² đất ở tại khu vực H1, thôn B thì anh G không thực hiện cam kết tách trả cho anh A đất (BL 146-149).

Căn cứ vào lời khai của ông Đỗ Xuân G1 – Nguyên là cán bộ địa chính xã C xác nhận: Tại biên bản cam kết gia đình ngày 12/7/2008 có chữ ký của ông Lê Ngọc K, Lê Văn A, Lê Thế G, ông Lê Văn E1 – Trưởng thôn, mặt sau biên bản cam kết gia đình ông xác định là chữ viết của ông, với nội dung: Ông Lê Ngọc K cùng hai con là Lê Thế G, Lê Văn A cùng lập biên bản với nội dung sau khi anh G được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu vực H1, thôn B, anh G có nghĩa vụ làm thủ tục cắt trả đất 120m² cho anh A theo thực tế diện tích đất anh A đang sử dụng để làm nhà. Anh A phải thực hiện nghĩa vụ tài chính, đóng tiền cho Nhà nước là 12.000.000 đồng. Nội dung trên ông viết có sự đồng thuận của ông K, anh G, anh A, sau khi ông viết xong ông K, anh G, anh A đều ký vào văn bản để xác nhận nội dung đã ghi là đúng yêu cầu, nguyện vọng của mình.

Căn cứ vào lời khai của ông Hà Văn E1: Thời điểm năm 2008 ông là Trưởng thôn B, xã C, huyện D. Tháng 6 và tháng 7 năm 2008 ông Lê Ngọc K là bố đẻ anh G, anh A có một số đơn đề nghị, biên bản làm việc, biên bản hòa giải, biên bản họp gia đình và biên bản cam kết, ông là người trực tiếp có mặt và xác nhận sự việc trên của gia đình ông K về việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia đất cho các con như nội dung các biên bản nêu trên.

Căn cứ vào lời khai của những người làm chứng bà Lê Thị Luận, anh Lê Đức M, bà Lê Thị N, bà Lê Thị Thương, bà Lê Thị D1, bà Lê Thị Phụng (*Là anh chị em ruột của anh G và anh A*) đều thừa nhận diện tích 120m² đất nằm trong tổng diện tích 280m² tại thửa số 432, lô 02, tờ bản đồ số 7 tại khu vực H1, thôn B, xã C, được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Lê Thế G là của anh Lê Văn A đang quản lý sử dụng và đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh G phải thực hiện đúng nội dung đã cam kết.

Theo yêu cầu khởi kiện của anh A xác định diện tích đất tranh chấp chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 120m² nhưng theo số liệu đo đạc hiện trạng ngày 27/5/2022, diện tích thực tế anh A đang sử dụng là 122,3m² về cơ bản từ năm 2003 đến nay không có sự thay đổi về hình thể, các chiều, cạnh của thửa đất vì anh A đã làm nhà, các công trình trên đất đúng các chiều cạnh. Đối với sự chênh lệch 2,3m² theo sơ đồ đo đạc thực tế ngày 27/5/2022 theo địa chính cung cấp là sai số theo từng thời điểm đo địa chính không có ý kiến gì còn diện tích 53,1m² đất của Inh lang đường tỉnh lộ 307 là do Nhà nước quản lý còn diện tích đất thừa là 6,2m² là Inh lang mương thoát nước nằm trong diện tích anh A đang sử dụng thực tế, thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã C.

Từ các căn cứ và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn A. Buộc anh Lê Thế G phải thực hiện nghĩa vụ thỏa thuận trả lại Quyền sử dụng đất cho anh Lê Văn A diện tích 122,3m² trong thửa số 432, lô 02, tờ bản đồ số 7 tại thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc mang tên ông Lê Thế G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/6/2016 là có căn cứ.

Bị đơn anh Lê Thế G kháng cáo cho rằng: Năm 2008 anh vay anh A 12.000.000 đồng để nộp tiền khu đất tại khu vực H1, thôn B, xã C, huyện D, không phải là anh A đưa tiền cho anh để nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước, khoản tiền 12.000.000 đồng là do anh vay của anh A. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại giấy nhận tiền ngày 16/7/2008 có ghi: Tên tôi là Lê Văn A thuộc khu vực Inh chính số 10, thôn B, xã C, có giao cho anh Lê Thế G là anh trai số tiền 12.000.000 đồng để nộp tiền đất thổ cư khu vực đồng mặn với diện tích là 120m², anh G và anh A ký xác nhận (BL 190); tại biên bản cam kết gia đình ngày 12/7/2008 có nội dung giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất và nhà, sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh G sẽ có trách nhiệm chuyển nhượng cho anh A, có chữ ký của trưởng thôn (BL 189). Căn cứ vào lời khai của những người làm chứng là các con của cụ K đều xác nhận anh A đưa cho anh G 12.000.000 đồng để anh A nộp tiền mua đất hộ anh G vì thời điểm đó anh A không có nhà. Do vậy, việc anh G kháng cáo cho rằng khoản tiền 12.000.000 đồng trong giấy biên nhận là tiền anh vay anh A chứ không phải anh A đưa cho anh để nộp tiền mua đất là không có căn cứ và việc anh G cho anh A mượn đất để làm quán In xì, anh G không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì, anh G và anh A đều là người xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp và được Nhà nước hợp thức, nên kháng cáo của anh G không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên tại phần quyết định, cấp sơ thẩm áp dụng điều luật và tuyên án chưa chính xác, tuyên buộc anh Lê Thế G phải thực hiện nghĩa vụ thỏa thuận trả lại Quyền sử dụng đất cho anh Lê Văn A diện tích 122,3m² trong thửa số 432, lô 02, tờ bản đồ số 7 tại thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc là không đúng vì thực tế anh Lê Văn A vẫn đang quản lý toàn bộ diện tích đất trên. Hội đồng xét xử sửa lại cách tuyên án, bảo đảm việc thi Inh án được thuận A.

[3] Về án phí: Anh Lê Thế G phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận. Xác nhận anh G đã nộp đủ 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, theo biên lai thu số 0002542 ngày 06/10/2022 tại Chi cục thi Inh án dân sự huyện D.

Trả lại cho anh Lê Văn A 2.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002346 ngày 03/12/2021 của chi cục Thi Inh án dân sự huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 293; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ Luật Tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Thế G, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào các Điều 274, 275, 276, 277, 278, 281 Bộ luật dân sự 2015. Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/NQ - UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn A.

Xác định diện tích 122,3m² trong thửa số 432, lô 02, tờ bản đồ số 7 tại thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Thế G được cấp ngày 16/6/2016 (Theo đo đạc thực tế diện tích là 181,6m², trong đó có 53,1m² đất của Inh lang đường tỉnh lộ 307 và 6,2 m² đất Inh lang nương thoát nước). Cụ thể các điểm thể hiện diện tích đất A, B, C, 5, 6, D và A (Có sơ đồ đất kèm theo) là của anh Lê Văn A.

Buộc anh Lê Thế G phải thực hiện nghĩa vụ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Lê Văn A. Trường hợp anh Lê Thế G không thực hiện thì anh Lê Văn A có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền thực hiện các thủ tục Inh chính theo quy định của pháp luật để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 122,3m² trong thửa số 432, lô 02, tờ bản đồ số 7 tại thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

Án phí dân sự: Anh Lê Thế G phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh G đã nộp đủ 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, theo biên lai thu số 0002542 ngày 06/10/2022 tại Chi cục thi Inh án dân sự huyện D.

Trả lại cho anh Lê Văn A 2.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002346 ngày 03/12/2021 của chi cục Thi Inh án dân sự huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân D;
- Tòa án nhân dân huyện D;
- Chi cục thi Inh án dân sự huyện D;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Toà DS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Anh Cường

M VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện D;
- TAND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Tòa dân sự, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Anh Cường

M VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Thanh Phạm Thị Thuý Mai

Đỗ Anh Cường